TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
Khoa học Xã hội 2026, Tập 71, Số 2, tr. 109-119
ISSN 2354-1067; https://hnuejs.edu.vn/ss
DOI: 10.18173/2354-1067.2026-0030

THU, CHI CỦA CHÍNH QUYỀN LÀNG XÃ Ở BẮC KỲ ĐẦU THẾ KỈ XX QUA HƯƠNG ƯỚC CẢI LƯƠNG: TRƯỜNG HỢP HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

Phan Minh Anh
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam
*Tác giả liên hệ: Phan Minh Anh, e-mail: minhanhphan735@gmail.com

Ngày nhận bài: 29/1/2026. Ngày sửa bài: 19/3/2026. Ngày nhận đăng: 9/4/2026.

Tóm tắt. Năm 1883 và 1884, triều Nguyễn lần lượt kí hiệp ước Harmand và Patenôtre, Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Chính quyền thuộc địa Pháp đã tìm cách can thiệp vào bộ máy chính quyền làng xã của người Việt thông qua chính sách cải lương hương chính, trong đó có việc chỉnh đốn lại việc thu, chi của chính quyền làng xã ở Bắc Kỳ. Trên cơ sở khai thác hơn bốn mươi bản hương ước cải lương, bài viết tập trung phân tích và phục dựng lại bức tranh tài chính của các làng xã thuộc huyện Cẩm Khê (tỉnh Phú Thọ) – một địa bàn thuộc vùng trung du miền núi Bắc Kỳ, bao gồm các khoản thu, chi và cơ chế, biện pháp quản lý thu, chi của làng xã được quy định trong hương ước cải lương huyện Cẩm Khê. Nghiên cứu góp phần làm rõ chính sách cải lương hương chính của thực dân Pháp ở địa bàn ngoài đồng bằng Bắc Bộ, thấy được điểm tương đồng, khác biệt giữa Cẩm Khê và các địa bàn khác; chỉ ra được sự kiểm soát, áp đặt các quy chế tài chính của chính quyền thực dân Pháp đối với các làng xã, bên cạnh sự tồn tại của cơ chế tự quản truyền thống của các làng xã ở huyện Cẩm Khê.

Từ khóa: hương ước cải lương, tài chính làng xã, Bắc Kỳ, Cẩm Khê, chính sách thuộc địa.

REVENUE AND EXPENDITURE IN VILLAGE GOVERNANCE IN TONKIN IN THE EARLY 20TH CENTURY: THE CASE OF CAM KHE DISTRICT, PHU THO PROVINCE

Phan Minh Anh
Hanoi National University of Education, Hanoi, Viet Nam
*Corresponding author: Phan Minh Anh e-mail: minhanhphan735@gmail.com

Received January 29, 2026. Revised March 19, 2026. Accepted April 9, 2026.

Abstract. In 1883 and 1884, the Nguyễn dynasty signed the Harmand and Patenôtre Treaties, after which Vietnam officially became a French colony. The French colonial administration intervened in the Vietnamese village system through the policy of village administration reform, including the reorganization of village revenues and expenditures in Tonkin. Based on more than forty reformed village regulations, this article reconstructs the financial structure of villages in Cam Khe district (Phu Tho province), a midland and mountainous area of northern Vietnam. It examines local sources of revenue, expenditure, and the mechanisms for financial management as stipulated in these conventions. The study contributes to a better understanding of French colonial administrative reform beyond the Red River Delta, highlighting both the similarities and differences between Cam Khe and other localities, as well as the coexistence of colonial financial control and traditional village self-governance.

Keywords: reformed village regulations, village finance, Tonkin, Cam Khe, colonial administration.

1. Mở đầu

Trong đời sống xã thôn cổ truyền của người Việt, hương ước đóng vai trò quan trọng, góp phần điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, tác động đến mọi mặt từ cơ cấu tổ chức làng xã, các hoạt động kinh tế và phong tục tập quán của cộng đồng. Năm 1883 và 1884, triều Nguyễn lần lượt kí hiệp ước Harmand và Patenotre, Việt Nam chính thức trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Trong quá trình cai trị, chính quyền thuộc địa Pháp đã tìm cách can thiệp vào bộ máy chính quyền làng xã của người Việt nhằm kiểm soát và biến chính quyền làng xã thành công cụ cai trị, bóc lột ở cơ sở đồng thời kiểm soát chặt chẽ hoạt động của làng xã trong đó có việc quản lí tài chính.

Cho đến nay vấn đề cải lương hương chính của thực dân Pháp ở Việt Nam nói chung và hương ước cải lương nói riêng đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tập trung đề cập tới sự thay đổi của bộ máy quản lí làng xã và một số phong tục tập quán. Số công trình nghiên cứu về vấn đề quản lí tài chính qua hương ước còn khá ít ỏi, chủ yếu nằm tản mạn trong các nghiên cứu tổng quát về thời kỳ cải lương hương chính. Trong số các công trình nói trên, tiêu biểu là nghiên cứu của Trần (1924) trình bày chi tiết mục đích, quy trình, cách thức lập sổ chi thu và cho biết mẫu sổ thu chi đồng thời, tác giả cũng giải thích về các khoản thu thường và bất thường, khoản chi thường và bất thường của các làng xã ở đồng bằng Bắc Kỳ thời Pháp thuộc. Trong nghiên cứu của Nguyễn, D & Nguyễn, T (2015) đã chỉ ra mục đích, hình thức lập sổ thu chi qua ba giai đoạn của công cuộc cải lương hương chính ở tỉnh Bắc Ninh. Đỗ & Phạm (2018) đã đề cập đến một số loại thuế trong làng, quy trình thu thuế, vai trò của một số chức dịch trong việc thu thuế ở tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn (2010) đã khái quát vai trò của sổ thu chi trong quản lí ngân sách làng xã, phân biệt hai loại thuế là thuế thường và thuế bất thường ở tỉnh Hà Đông. Nguyễn (2016) và Trịnh (2021) đều chỉ ra rằng quản lí tài chính được quy chuẩn hóa thông qua việc lập sổ thu chi, dự toán các khoản thu và khoản chi theo mẫu. Hai nghiên cứu này cũng đề cập tới quy trình bổ, thu, nộp sưu thuế và các biện pháp cưỡng chế để bảo đảm nguồn thu cho chính quyền bảo hộ. Như vậy, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về việc quản lí các nguồn thu, chi ở các làng xã ở huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trên cơ sở khai thác 43 bản hương ước, bài viết tập trung làm rõ việc thu, chi của chính quyền làng xã huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đầu thế kỉ XX.

2. Khái quát về cải lương hương chính ở Bắc Kỳ và huyện Cẩm Khê – tỉnh Phú Thọ

Chương trình cải lương hương chính ở Bắc Kỳ của thực dân Pháp chia ra làm ba đợt. Đợt một diễn ra từ năm 1921 đến năm 1927, với trọng tâm là xóa bỏ Hội đồng kỳ mục, thay bằng Hội đồng tộc biểu. Đợt 2 diễn ra từ năm 1927 đến năm 1941 với việc thiết lập lại hội đồng kỳ mục bên cạnh sự tồn tại của Hội đồng tộc biểu. Bước sang những năm 40 của thế kỉ XX, tình hình thế giới và trong nước có sự biến đổi mạnh mẽ nên chính quyền thực dân quyết định tiến hành đợt cải lương hương chính lần thứ ba bằng đạo dụ số 31 của vua Bảo Đại ban hành năm 1941 với trọng tâm xóa bỏ Hội đồng tộc biểu, thiết lập lại hội đồng kỳ mục. Tuy nhiên, sự thay đổi trong đợt cải lương cuối cùng này khá ít chủ yếu mở rộng tiêu chuẩn cho người ứng cử vào Hội đồng kì mục. Chương trình cải lương hương chính trong đợt 2 và đợt 3 không có nhiều sự khác biệt nhưng ở đợt 3 hội đồng kì mục đã thay thế hội đồng tộc biểu để quản lí việc thu chi. Hội đồng kỳ mục có quyền cử ra bộ phận hành dịch như thư kí, thủ quỹ, phó lí,… nhưng phải được công sứ Pháp phê duyệt (Viện Sử học, 1990, tr.272-281)

Huyện Cẩm Khê là một huyện thuộc vùng trung du và miền núi, nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Phú Thọ. Mặc dù không phải là địa bàn trung tâm của các đợt thí điểm cải lương như Hà Đông hay Thái Bình, nhưng Cẩm Khê vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc của chính sách cải lương hương chính. Hiện nay, số lượng các bản hương ước cải lương của huyện Cẩm Khê được tìm thấy là 44 bản lưu trữ ở Viện Thông tin Khoa học Xã hội, trong đó có 43 bản viết bằng chữ Quốc ngữ, 1 bản viết bằng chữ Hán Nôm. Các bản hương ước chủ yếu được lập trong đợt 2 duy chỉ có hương ước

xã Hoàng Lương (tổng Phương Xá) là được lập trong đợt 1. Hương ước cải lương huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đa phần giống các bản hương ước ở các địa phương khác ở Bắc Kỳ với hai phần là chính trị và tục lệ. Các quy định về quản lí tài chính, nhiệm vụ của từng chức dịch trong công việc đó phản ánh rõ nét tham vọng kiểm soát toàn bộ đời sống kinh tế làng xã của chính quyền thực dân Pháp.

3. Các khoản thu, chi của chính quyền làng xã huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ qua hương ước cải lương

3.1. Các khoản thu

Các nguồn thu chủ yếu của chính quyền làng xã huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ bao gồm: Các loại thuế, tiền cheo, khao vọng, tiền chiết can thay cho làm cỗ bàn khi nhà có việc hiếu, mua bán vị thứ và tiền phạt.

Các loại thuế

Thuế là nguồn thu quan trọng và tất cả mọi người đều có trách nhiệm nộp thuế đầy đủ cho chính quyền bảo hộ. Bên cạnh thuế của nhà nước là thuế đinh, thuế điền, thuế môn bài thì các làng xã còn tồn tại thuế của làng hay còn gọi là "thuế ngoại phụ". Qua khảo cứu các văn bản hương ước cải lương huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, các quy định về thuế trâu, bò, ngựa, chiếm phần lớn nội dung trong các bản hương ước. Về thuế trâu, bò, ngựa, đa phần hương ước các làng đều quy định thuế mỗi con trâu 4 hào, bò 2 hào, ngựa 8 hào. Một số làng đánh thuế thấp hơn như làng Hiền Đa (tổng Trương Xá), làng Ngô Xá (tổng Vân Bán), làng Phượng Vỹ (tổng Vân Bán) (Hương ước cải lương làng Hiền Đa [HUCL làng Hiền Đa], 1932, tr.4), (HUCL làng Ngô Xá, 1932, tr.4), (HUCL làng Phượng Vỹ, 1932, tr.3). Xã Sơn Cương (tổng Văn Phú) thu tiền thuế trâu, bò thấp nhất mỗi con là 1 hào một năm (HUCL xã Sơn Cương, 1932, tr.12). Thuế ngoại phụ về các thuế chính ngạch không được thu quá 10% nhưng có làng thu đến 15% như làng Ngô Xá (tổng Vân Bán) (HUCL làng Ngô Xá, 1932, tr.4).

Tiền cheo

Theo phong tục truyền thống, ai muốn kết hôn thì phải nộp một số tiền cho làng gọi là "tiền cheo". Đa số các làng thu tiền cheo nội chủ yếu từ 1 đồng đến 6 đồng, cheo ngoại từ 2 đồng cho đến 10 đồng. Làng Bình Phú (tổng Phú Khê) là làng có quy định nộp cheo cao nhất với cheo nội 6 đồng, một cỗ sôi đồng sung quỹ, 3 hào tọa thu lại kèm theo cả hiện vật tám đấu gạo, hai con gà, một chai rượu, một trăm giầu (HUCL làng Bình Phú, 1932, tr.11).

Khao vọng

Trong tất cả các văn bản hương ước cải lương huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tồn tại cả ba hình thức vọng là: Vọng chức, vọng lão, vọng khoa. Về việc vọng chức, số tiền khao dân của từng chức dịch khác nhau. Những chức thường phải nộp tiền khao vọng bao gồm: Chánh phó tổng, chánh hội, lí trưởng, phó lí xuất đoàn, thư kí, chưởng bạ. Đa số các làng đều quy định rõ từng chức vụ nộp bao nhiêu tiền khao, ít làng phân chia theo phẩm hàm. Chức Chánh phó tổng và Lí trưởng quyên thường phải nộp số tiền khao khá nhiều. Với chức Chánh phó tổng, làng Tuy Lộc (tổng Phương Xá) quy định nộp 50 đồng, xã Sai Nga (tổng Văn Phú) nộp 35 đồng (HUCL làng Tuy Lộc, 1932, tr.17), (HUCL xã Sai Nga, 1932, tr.6). Với chức lí trưởng quyên, xã Hoàng Lương (tổng Phương Xá) nộp 50 đồng, xã Phiên Quân (tổng Trương Xá) nộp 30 đồng, (HUCL xã Hoàng Lương, 1932, tr.8), (HUCL xã Phiên Quân, 1932, tr.6). Tuy nhiên, cũng có một số làng chỉ quy định chung về khoảng tiền cần nộp như làng Sơn Tình (tổng Phú Khê): Chia ra từng hạng chiết can từ 5 đồng đến 50 đồng (HUCL làng Sơn Tình, 1932, tr.18). Về việc vọng lão số tiền nộp vào công quỹ giữa các làng khá khác nhau. Làng Cấp Dẫn (tổng Vân Bán) ai đến 50 tuổi nộp 1 đồng , làng Tuy Lộc (tổng Phương Xá) ai đến 50 tuổi nộp 5 đồng (HUCL làng Cấp Dẫn, 1932, tr.18), (HUCL làng Tuy Lộc, tr.18). Về việc vọng khoa, chỉ có một số bản hương ước quy định. Xã Cấp

Dẫn (tổng Vân Bán) quy định: Đỗ cử nhân, tú tài làng phải thế khao 20 đồng sung quỹ (HUCL xã Cấp Dẫn, 1932, tr.18). Làng Tiên Động (tổng Phương Xá) quy định đỗ cao đẳng tây học nộp 30 đồng, đỗ trung đẳng nộp 20 đồng, đỗ sơ đẳng nộp 15 đồng (HUCL làng Tiên Động, 1932, tr.18).

Tiền chiết can cho việc hiếu

Theo phong tục truyền thống, mỗi nhà khi có người mất đều phải nộp cho làng, xóm một số tiền để làm ma chay. Đa phần các bản hương ước đều phân ra từng hạng để định số tiền chiết can. Làng Thổ Khối (tổng Phương Xá) quy định: Hạng nhất: 10 đồng có lễ điếu chi lại 1 đồng, hạng thứ hai: 6 đồng, nếu ai nghèo không nộp được hạng nào thì chỉ cho đãi trầu cau mà thôi (HUCL làng Thổ Khối, 1932, tr.14).

Mua bán vị thứ

Hương ước các làng đều có mức giá, quy định khác nhau về việc mua bán vị thứ. Chức vụ được quy định nhiều nhất và cũng là chức phải nộp tiền nhiều nhất trong các văn bản hương ước cải lương là lí trưởng quyên và xã nhiêu. Hương ước xã Vân Bán (tổng Vân Bán) quy định ngôi Xã bán nộp 8 đồng và được miễn canh điếm, ngôi Xã cựu nộp 58 đồng và được miễn trừ phu dịch, ngôi Lí trưởng quyên nộp 80 đồng thì được ngồi ăn với Chánh Phó lí chính ngạch (HUCL xã Vân Bán, 1932, tr.22). Hương ước làng Cát Trù (tổng Điêu Lương) quy định ngôi Xã nhiêu nộp 50 đồng, Lí trưởng quyên nộp 100 đồng (HUCL làng Cát Trù, 1932, tr.22).

Tiền phạt

Đa phần các hương ước đều có quy định ai vi phạm vào những điều khoản trong hương ước sẽ phải nộp tiền phạt sung công quỹ. Những tội danh chủ yếu được quy định xử phạt trong hương ước là hoang dâm, buôn, nấu, rượu lậu, thuốc phiện lậu; đánh bạc, say rượu ngỗ ngược, anh em đánh chửi nhau; nghe hiệu lệnh cấp cứu không ra giúp những việc thủy hỏa, đạo kiếp, trộm cắp. Mỗi tội danh có mức phạt tiền khác nhau.

Bảng 1. Một số tội danh và mức phạt trong hương ước cải lương huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Tội danh	Làng/Xã	Mức phạt	Nguồn
Hoang dâm	Làng Bình Phú (tổng Phú Khê)	2 hào đến 1 đồng	(HUCL làng Bình Phú, 1932, tr.16)
	Làng Hiền Đa (tổng Trương Xá), làng Tang Châu (tổng Trương Xá)	1 đồng	(HUCL làng Hiền Đa, 1932, tr.15), (HUCL làng Tang Châu, 1932, tr.11)
Say rượu ngỗ ngược, khinh tôn trưởng sinh sự kiện tụng tổn hại đến nhân dân	Xã Hoàng Lương (tổng Phương Xá), Làng Trương Xá (tổng Trương Xá)	Lần đầu phạt 1 đồng, tái phạm lần hai phạt 3 đồng.	(HUCL xã Hoàng Lương, 1932, tr.13), (HUCL làng Trương Xá, 1932, tr.7)
	Làng Hiền Đa (tổng Trương Xá), làng Tiên Động (tổng Phương Xá),	Lần đầu phạt 5 hào, tái phạm phạt 1 đồng	(HUCL làng Hiền Đa, 1932, tr.15), (HUCL làng Tiên Động, 1932, tr.24)
	Làng Bình Phú (tổng Phú Khê)	Lần đầu phạt 1 đồng, tái phạm phạt 2 đồng	(HUCL làng Bình Phú, 1932, tr.17)
	Làng Tang Châu (tổng Trương Xá)	Lần đầu phạt 5 đồng, tái phạm tăng 1 đồng	(HUCL làng Tang Châu, 1932, tr.11)

Buôn, nấu, rượu lậu, thuốc phiện lậu; đánh bạc	Làng Bình Phú (tổng Phú Khê)	Buôn nấu rượu lậu 10 đồng, đánh bạc phạt 2 đồng	(HUCL làng Bình Phú, 1932, tr.15)
	Xã Sơn Cương (tổng Văn Phú)	Phạt 10 đồng, người xuất thổ đánh bạc phạt 5 đồng, người đồng bàn phạt 2 đồng.	(HUCL xã Sơn Cương, 1932, tr.14)
	Xã Phiên Quân (tổng Trương Xá)	5 hào vào công quỹ, 5 hào cho người bắt được	(HUCL xã Phiên Quân, 1932, tr.8)
Người dân đinh không có duyên cớ gì mà khi nghe hiệu lệnh không ra ứng cứu những việc thủy, hỏa, đạo kiếp	Xã Cấp Dẫn (tổng Vân Bán), làng Sơn Tình (tổng Phú Khê)	1 hào	(HUCL xã Cấp Dẫn, 1932, tr.13) (HUCL làng Sơn Tình, 1932, tr.13)
	Làng Trung Hà (tổng Trương Xá)	1 hào đến 3 hào.	(HUCL làng Trung Hà, 1932, tr.5)

Nhìn chung, khoản thu mang tính cưỡng chế nhiều nhất trong các bản hương ước là tiền thuế, tiền nộp cheo, khao vọng và tiền phạt. Tiền thuế của làng luôn được quy định cụ thể, rõ ràng nhưng thuế nộp cho nhà nước chỉ có quy định về quy trình thu thuế nói chung với vai trò đặc biệt quan trọng của lí trưởng. Việc nộp tiền cheo và khao vọng là nghĩa vụ của làng với chính quyền bảo hộ nhưng cũng để duy trì tập tục truyền thống của làng. Những khoản tiền phạt nếu vi phạm pháp luật của chính quyền thực dân và lệ làng được quy định chặt chẽ để bổ sung vào công quỹ của làng và giữ gìn an ninh trật tự và phong tục của làng. Trên cơ sở khảo sát các khoản thu nêu trên, có thể thấy rằng các khoản thu từ cheo, khao vọng, chiết can và mua bán thứ vị có truyền thống lâu đời trong các làng xã người Việt, không chỉ ở các làng xã ở trung du miền núi mà còn ở các làng xã tại các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ. Các khoản thu này mang tính tự trị của làng xã, ít bị chi phối bởi luật pháp của chính quyền thực dân Pháp, mà bị chi phối bởi các tục lệ của từng địa phương, do Hội đồng làng quyết định. Chính vì thế mức thu các khoản này có sự khác nhau ở các làng và không thường xuyên như các loại thuế. Ngược lại, các khoản thu từ thuế được quy định bằng các nghị định của chính quyền và mang tính cưỡng chế. Đây là khoản thu chính, thường xuyên của các làng xã, đặc biệt là thuế ruộng đất, thuế thân, thuế sưu.

3.2. Các khoản chi

Lộ phí và lương cho các chức dịch

Theo quy định, khi có việc mà quan trên yêu cầu cần đi lên huyện hoặc lên tỉnh, làng sẽ trích số tiền công quỹ ra để chi cho việc đi lại của các chức dịch. Phần lớn các hương ước đều thống nhất số tiền như sau: Đi lên huyện cấp cho 4 hào nhưng không được quá một ngày, đi lên tỉnh mỗi người được cấp 6 hào nhưng không được quá hai ngày. Làng Bình Phú (tổng Phú Khê) tính theo quãng đường đi mỗi ngày đi 5 km trở lên cho 3 hào, đi 10 km cho 5 hào (HUCL làng Bình Phú, tr.3).

Đa số các bản hương ước đều quy định rõ mức lương của các chức dịch trong làng. Lí trưởng thường là người được trả tiền lương cao nhất trong tất cả các chức dịch. Làng Cát Trù (tổng Điêu Lương) trả 48 đồng một năm, làng Văn Phú (tổng Văn Phú) trả 6 đồng một năm (HUCL làng Cát Trù, 1932, tr.3), (HUCL làng Văn Phú, 1932, tr.3). Với chức Phó lí, làng Sơn Tình (tổng Phú Khê) trả 15 đồng, làng Văn Phú (tổng Văn Phú) và Thổ Khối (tổng Phương Xá) trả 4 đồng (HUCL làng Sơn Tình, 1932, tr.2), (HUCL làng Văn Phú, tr.3), (HUCL làng Thổ Khối, 1932, tr.17). Với

chức Thủ quỹ, làng Cát Trù (tổng Điêu Lương) trả 12 đồng, làng Thổ Khối (tổng Phương Xá) và Khổng Tước (tổng Vân Bán) trả 2 đồng (HUCL làng Cát Trù, 1932, tr.3), (HUCL làng Thổ Khối, 1932, tr.17), (HUCL Khổng Tước, 1932, tr.2). Với chức Thư kí, làng Cát Trù (tổng Điêu Lương) làng Ngô Xá (tổng Vân Bán), làng Sơn Tình (tổng Phú Khê) trả 12 đồng, làng Thổ Khối (tổng Phương Xá) và Khổng Tước (tổng Vân Bán) với 4 đồng (HUCL làng Cát Trù, 1932, tr.3), (HUCL làng Ngô Xá, 1932, tr.2), (HUCL làng Sơn Tình, 1932, tr.2), (HUCL làng Thổ Khối, 1932, tr.17), (HUCL làng Khổng Tước, 1932, tr.2). Với chức tuần phiên, làng Tuy Lộc (tổng Phương Xá) trả 24 đồng, xã Hoàng Lương (tổng Phương Xá) trả 3 đồng (HUCL làng Tuy Lộc, 1932, tr.2), (HUCL xã Hoàng Lương, 1932, tr.10). Nhiều bản hương ước không ghi rõ số lượng các chức dịch trong làng, mỗi người được bao nhiêu trong một năm mà chỉ ghi số lương của từng hương chức.

Tế tự và tu bổ các công trình công cộng

Đa số các bản hương ước quy định dùng tiền đấu giá ruộng đất mỗi năm để chi cho việc tế tự như hương ước của làng Thổ Khối, xã Vân Bán, xã Cấp Dẫn, làng Tiên Động,... nhưng không ghi rõ số tiền cụ thể. Làng Khổng Tước (tổng Vân Bán) có quy định rõ ràng là trích 12 đồng từ số tiền cho thuê ruộng ra để lo cho việc tế tự (HUCL làng Khổng Tước, 1932, tr.4). Chỉ một số hương ước của làng ghi rõ số tiền cụ thể của từng hiện vật cho việc tế tự như hương ước Làng Vực Câu (tổng Phú Khê) quy định mua một con lợn giá 3 đồng và rượu xôi ngày 3/1 hàng năm (HUCL làng Vực Câu, 1932, tr.6). Nhiều làng cũng chủ trương tinh giảm số tiền chi cho việc tế tự để lấy tiền nộp vào quỹ lưu trữ.

Phần lớn các làng quy định khi tu bổ các công trình công cộng như đình, chùa, miếu mà mua vật liệu quá 150 đồng thì phải trình một tờ hợp đồng, còn nếu quá 2000 đồng thì phải đưa cho quan Thống sứ xét duyệt. Một số làng như làng Tiên Động (tổng Phương Xá), làng Tuy Lộc (tổng Phương Xá), làng Thụy Liễu (tổng Vân Bán), làng Cát Trù (tổng Điêu Lương) có thêm quy định: "Cầu cống đê đường khi gặt lúa xong phải tu bổ một lần cho rộng rãi bền chặt các đường cống trong làng tu bổ ít trích tiền quỹ tu bổ nhiều chia cho nhân đinh" (HUCL làng Cát Trù, 1932, tr.4), (HUCL làng Tiên Động, 1932, tr.4), (HUCL làng Tuy Lộc, 1932, tr.2 - 3), (HUCL làng Thụy Liễu, 1932, tr.3).

Tiền mừng chức và tiền thưởng

Phần lớn trong các bản hương ước cải lương quy định, các hương chức trong làng và những người đỗ đạt nếu nộp tiền khao vọng và sửa lễ trình bằng hoặc lễ kính thần sẽ được dân thưởng cho một số tiền hoặc một câu đối vóc. Số tiền thưởng của từng chức vụ cũng khác nhau. Với chức chánh phó tổng, làng Phú Lạc (tổng Trương Xá) dân mừng 30 đồng, làng Tạ Xá (tổng Phú Khê) dân mừng 25 đồng, làng Văn Khúc (tổng Điêu Lương) dân mừng 10 đồng (HUCL làng Phú Lạc, 1932, tr.7), (HUCL làng Tạ Xá, 1932, tr.4), (HUCL làng Văn Khúc, 1942, tr.6). Với chức Lí Phó trưởng, làng Văn Khúc (tổng Điêu Lương) dân mừng 5 đồng, làng Phượng Vỹ (tổng Vân Bán) dân mừng 1 đồng (HUCL làng Văn Khúc, 1942, tr.6), (HUCL làng Phượng Vỹ, 1932, tr.7). Đối với người tốt nghiệp có bằng sơ đẳng tây học, làng Phương Xá (tổng Phương Xá) quy định dân mừng 1 đồng (HUCL làng Phương Xá, 1932, tr.10). Đối với người đỗ cao học tây đẳng, xã Sơn Cương (tổng Văn Phú) dân mừng 10 đồng, làng Tăng Xá (tổng Phương Xá) dân mừng 15 đồng (HUCL xã Sơn Cương, 1932, tr.5), (HUCL làng Tăng Xá, 1932, tr.10). Đối với người đỗ chung đẳng tây học, làng Phương Xá (tổng Phương Xá), làng Cát Trù (tổng Điêu Lương) dân mừng 10 đồng (HUCL làng Phương Xá, 1932, tr.10), (HUCL làng Cát Trù, 1932, tr.25). Đa số các bản hương ước đều có quy định khá giống nhau về việc bắt được những người vi phạm điều khoản trong hương ước. Nội dung quy định được thưởng nhiều nhất và xuất hiện nhiều nhất trong các bản hương ước là bắt được kẻ trộm, kẻ cướp. Nếu ai bắt được kẻ trộm làng thưởng 2 đồng, bắt được kẻ cướp làng thưởng 6 đồng. Nếu bị thương làng cấp cho 6 đồng tiền thuốc, nếu không may mất làng cấp cho 20 đồng an táng. Ngoài ra, về việc bắt được người buôn, nấu rượu lậu, thuốc

phiện lậu, xã Phiên Quân (tổng Trương Xá) thưởng 5 hào cho người bắt được (HUCL xã Phiên Quân, 1932, tr.8).

Trong các khoản chi của chính quyền làng xã huyện Cẩm Khê có thể thấy rằng, có những khoản chi mang tính truyền thống của các làng xã ở Bắc Kỳ, như tiền thưởng, tiền mừng chức cho các chức dịch và những người đỗ đạt hay tiền chi cho tế tự của làng. Trong khi đó, các khoản chi cho lộ phí, trả lương cho các chức dịch trong làng có sự can thiệp và theo quy định của chính quyền thực dân Pháp và đây dường như là khoản chi chính để đảm bảo duy trì và vận hành của bộ máy làng xã – công cụ quan trọng cai trị cơ sở của chính quyền thực dân.

4. Cơ chế, biện pháp quản lí thu, chi của làng xã huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

4.1. Các cơ quan, chức dịch chịu trách nhiệm thu, chi

Hương hội là tổ chức có quyền bàn bạc và dự kiến các khoản thu (Thu thuế, tiền cheo, tiền khao vọng, tiền phạt,…) và các khoản chi (Tế tự, tiền lương của các chức dịch,…) trong làng xã. Bên cạnh đó, để tăng thêm tính minh bạch trong quản lí tài chính, hương hội còn cử thêm một viên kiểm soát để kiểm tra hoạt động của Thủ quỹ và đối chiếu số liệu thu chi. Hương hội có quyền cử một ban gồm hai, ba tộc biểu để xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật như làm mất an ninh trật tự, buôn lậu, đánh bạc và phạt từ 1 hào đến 1 đồng là cùng. Đứng đầu Hương hội là Chánh hương hội, giúp việc cho Chánh hương hội là Phó hương hội. Chánh hương hội quản lí việc thi hành các quy định về tài chính của Hội đồng, tổ chức và giám sát việc thu thuế, phê chuẩn và phân bổ các khoản thu chi. Khi Chánh hương hội vắng mặt, Phó hương hội có quyền thay mặt giải quyết các sự việc liên quan đến số tiền thu chi. Từ đó đảm bảo tính liên tục, ổn định trong việc quản lí các hoạt động tài chính trong làng, góp phần hạn chế tập trung quyền hành trong tay một cá nhân. Chánh - Phó Hương hội và Thủ quỹ chịu trách nhiệm ghi chép, bảo quản sổ chi thu, nhưng mọi khoản chi quá 2000 đồng bạc Đông Dương vẫn phải xin phép và chịu sự giám sát của quan trên.

Lí trưởng là người chịu trách nhiệm chính trong việc thu và nộp đủ số thuế mà làng xã phải nộp cho Nhà nước và nộp tiền thuế lên kho bạc. Lí trưởng không được trực tiếp giữ quỹ, không can thiệp vào việc thu chi nội bộ của làng xã. Như vậy, quỹ của làng do Hương hội quản lí còn thuế của nhà nước do Lí trưởng quản lí. Lí trưởng phải giữ triện, giữ các công văn, địa bộ, các sổ thuế của làng và các lệnh truyền của chính quyền thực dân Pháp.

Thủ quỹ là người nhận toàn bộ các nguồn thu của quỹ làng và chịu trách nhiệm giữ gìn, bảo quản số tiền đó. Nếu có người nộp tiền thì thủ quỹ phải phát tờ biên lai cho người nộp. Điều thứ 5 hương ước làng Yên Tập (tổng Phú Khê) ghi rõ: "Ai nộp tiền gì vào công quỹ mà không có chữ biên lai, thì số tiền ấy như là chưa nộp." (HUCL làng Yên Tập, 1932, tr.2). Tờ biên lai vừa bảo vệ quyền lợi của người nộp tiền vừa tăng cường trách nhiệm của Thủ quỹ. Vì vậy, ai là người liêm khiết, giàu có và thành thạo trong công việc mới đủ tiêu chuẩn để trở thành Thủ quỹ.

Trách nhiệm của Thư kí được quy định trong Nghị định chỉnh đốn lại Hội đồng tộc biểu trong các làng xã ở Bắc Kỳ năm 1927, điều 30 quy định trách nhiệm của Thư kí: "Người thư kí coi việc dựng biên bản các kỳ Hội đồng Tộc biểu họp hội đồng và làm sổ hội đồng; giữ các giấy công văn của hội đồng; giữ các sổ thuế của xã, khi Lí trưởng thu xong thuế thì giao cho mà giữ; Thư kí phải làm việc hộ lại và giữ các sổ hộ tịch" (Nguyễn & Lê, 1927, tr.13). Trong những xã nào mà muốn lập riêng Chánh phó hộ lại theo như điều 17 nghị định ngày 19 tháng 12 năm 1923 thì Thư kí không phải làm hộ lại, Thư kí làm việc Chưởng bạ và giữ sổ địa bạ, giữ các bản đồ của xã và giữ sổ trước bạ đất cát; nếu Hội đồng tộc biểu lập riêng một người Chưởng bạ thì Thư kí không phải làm việc ấy (Nguyễn & Lê, 1927, tr.13). Nhận thức được vai trò quan trọng của thư kí nên chính quyền thực dân đã mở trường đào tạo thư kí. Trong mọi cuộc họp của hương hội,

Thư kí phải ghi rõ nội dung thảo luận, các nghị quyết đã được thông qua, kèm theo thời gian, thành phần tham dự.

4.2. Biện pháp quản lí thu, chi

Theo văn bản số 1950 ngày 12 tháng 8 năm 1921 của Thống sứ Bắc Kỳ, chính quyền thực dân Pháp buộc các làng xã phải lập sổ chi thu theo mẫu thống nhất với các xã từ 500 đinh và thuế nộp từ 2000 đồng trở lên (Hoàng, 1922, tr.20). Tuy nhiên, đợt cải lương đầu tiên không đáp ứng được kỳ vọng của chính quyền thực dân nên năm 1927, Thống sứ Bắc Kỳ đã ban hành nghị định số 7851 thiết lập lại Hội đồng kỳ mục với vai trò "tư vấn, giám sát hoạt động và thông qua các quyết định của Hội đồng tộc biểu" (Viện Sử học, 1990, tr.278). Về vấn đề tài chính, chính quyền thực dân đã có sự thay đổi khi quy định: "…những làng có 500 nhân đinh giở lên hay là mỗi năm thu được số tiền 500 đồng giở lên thì mới lập sổ chi thu" (Nguyễn & Lê, 1927, tr.44). Chánh hương hội, Thư kí và Lí trưởng có trách nhiệm dự thảo sổ chi thu. Trong sổ chi thu phải biên rõ các khoản thu và các khoản chi theo quy định của chính quyền thực dân Pháp. Lí trưởng phải nộp sổ chi thu của năm trước và bản thảo sổ chi thu của năm lên quan sở tại, sau đó quan sở tại đệ lên Công sứ. Các làng xã phải lập ra sổ dự thu biên rõ số tiền phải thu, tiền thu tùy ý và tiền thu bất thường. Trong "Cải lương thực lục", tác giả đã nêu rõ về quá trình thu tiền mà các làng xã phải tuân theo như sau: "Chánh hương hội phát cho người nộp tiền một cái thu tiền, người nộp tiền mang tiền và phái thu đến Thủ quỹ nộp một cái "thu ngân" tức là biên lai chứng nhận rằng người ấy đã nộp vào công quỹ số tiền bao nhiêu" (Trần, 1924, tr.48).

Theo Nghị định đặt sổ chi thu các xã ở Bắc kỳ ngày 12 tháng 8 năm 1921, trong làng xã chia làm hai khoản thu là khoản thu thường và khoản thu bất thường. Trong khoản thu thường gồm hạng bắt buộc phải thu và hạng không bắt buộc phải thu. Hạng bắt buộc phải thu gồm tiền cho thuê hồ ao, ruộng đất công dân, tiền cheo và tiền các lệ ăn uống (Khao, vọng, hiếu), tiền lợi tức thuộc về tư sản của làng như tiền cho thuê đầm, hồ, ao, công điền công thổ. Chính quyền thuộc địa cũng quy định hạn mức thu của một số khoản như tiền cheo nhà trai phải nộp cho làng quán nhà gái không quá 1 đồng, tiền đám hiếu chiết can thay vì làm cỗ bàn không quá 30 đồng bạc Đông Dương, tiền vọng chức chia làm 4 hạng: 50 đồng, 30 đồng, 20 đồng, 15 đồng, vọng lão nhiêu không quá 10 đồng bạc Đông Dương (Trần, 1924, tr.35). Hạng không bắt buộc phải thu là tiền thuế trâu bò ngựa, thuế thổ trạch, tiền phạt, tiền bán ngôi thứ tiền cúng, tiền mua hậu, tiền kí táng, tiền lúa xương Trong khoản thu bất thường gồm có tiền Nhà nước cấp cho, thuế ngoại phụ bất thường về các thuế chính ngạch, tiền cầm bán một phần tư sản của làng, tiền lấy ở số tiền lưu trữ của làng. Tiền lúa xương trả lương cho tuần phiên đánh từ 2 hào đến 8 hào một mẫu. (Nguyễn & Lê, 1927, tr.19 - 21). Thuế ngoại phụ về các thuế chính ngạch nếu thu quá 10% phải được quan Công sứ duyệt.

Chính quyền thuộc địa không trực tiếp xuống điều hành việc thu thuế mà thông qua một bộ máy trung gian để quản lí nguồn thu này. Chính quyền bảo hộ chỉ có nhiệm vụ quyết định và phê duyệt các khoản thu chi mà làng xã đề ra. Tiền thuế nộp cho nhà nước phải lập thành sổ riêng là sổ kê các khoản thuế trong làng. Trong sổ đó biên rõ tên người nộp thuế và số tiền thuế các súc vật, thuế nhà, tiền phụ thêm thường, tiền phụ thêm bất thường. Sổ kê các khoản thuế phải được yết thị công khai cho dân làng ai cũng xem được. Sau khi thu thuế, Lí trưởng phải phát cho người nộp thuế biên lai. Với số tiền ngoại phụ phải dùng để chi cho những việc lớn và khi nào có việc mới thu và chỉ được thu khi những số tiền thu khác không đủ để chi dùng. Đối với các khoản thu bất thường hương hội cần xem xét, bàn bạc kĩ lưỡng rồi mới trình lên quan công sứ, quan Công sứ duyệt mới kê vào sổ. Tiền công quỹ phải được giữ cẩn thận, điều 57 hương ước làng Yên Tập (tổng Phú Khê) ghi: *"Tiền công quỹ cấm không ai được vay mượn"* (HUCL làng Yên Tập, 1932, tr.10).

Theo Nghị định chỉnh đốn lại sổ chi thu trong các xã ở Bắc Kỳ ngày 25 tháng 7 năm 1927, trong làng xã chia làm hai khoản chi là khoản chi thường và khoản chi bất thường. Khoản chi thường bao gồm tiền lộ phí cho các hương chức đi việc quan, tiền cấp cho tuần tráng; tiền lương

cho lí trưởng, phó lí, thư kí, thủ quỹ; tiền mua bút, giấy in, các thứ sổ, mua báo,v.v; tiền chi cho việc công ích của làng như tiền mua và sửa sang các bàn ghế, đồ đạc, tiền sửa sang các công sở của làng xã, đường xá, cầu cống, tiền chữa nhà,…tiền chi cho việc tế tự, tiền của làng xã góp vào sổ chi thu Bắc kỳ, tiền của làng xã trợ nạp vào sổ chi thu. Khoản chi thường bao gồm tiền tiền làm lại đình chùa, cầu cống, tiền trợ cấp cho kẻ nghèo khó.

Tiền lương của chức dịch và tiền mua, sửa sang đồ dùng thì Chánh hương hội được tự quyết mà không cần sự phê duyệt của Hội đồng tộc biểu. Chánh hương hội có quyền quyết định các khoản chi dưới 20 đồng, nếu quá 20 đồng phải có sự chấp thuận của Hội đồng tộc biểu và Hội đồng kỳ mục. Số tiền cho việc xây dựng, mua các nguyên vật liệu mới các hương chức kê khai nộp lên quan công sứ, nếu mua quá 150 đồng phải trình tờ hợp đồng làm rất đơn sơ. Chánh hương hội phát cho người nhận tiền một tờ "phát ngân" ghi rõ đã tiêu hết bao nhiêu, để thủ quỹ trả tiền theo phiếu phát ngân đó cho người được nhận tiền (Trần, 1924, tr.46).

5. Kết luận

Từ sau chương trình cải lương hương chính, bộ máy chính quyền làng xã nói chung, thu – chi tài chính của làng xã ở Cẩm Khê và Bắc kỳ chịu sự chi phối, giám sát của chính quyền thực dân thông qua các quy định về bầu cử, bổ nhiệm đội ngũ hương chức ở làng xã, lập sổ thu chi. Về các khoản thu bắt buộc, đa phần các làng xã thực hiện theo quy định của chính quyền bảo hộ. Các làng xã có quyền chủ động thu thêm tiền ngoại phụ nhưng lại bị giới hạn trong phạm vi mức thu cụ thể, nếu vượt quá phải có sự chấp thuận của quan trên; phải lập sổ chi thu theo mẫu và thực hành theo quy định của chính quyền thực dân. Điều này chứng tỏ, sự tự chủ trong quản lí tài chính chỉ là "vỏ bọc" bên ngoài còn trên thực tế chính quyền bảo hộ đã kiểm soát ngân sách làng xã thông qua bộ máy trung gian bằng cách bắt các làng xã phải ghi chép mục đích thu và chi của từng số tiền. Việc này nhằm tăng cường sự chi phối, kiểm soát của chính quyền thực dân Pháp đối với bộ máy chính quyền làng xã, góp phần tạo sự minh bạch, hạn chế lạm dụng của chính quyền làng xã trong thu, chi tài chính. Tuy nhiên, chính quyền thực dân không kiểm soát toàn diện toàn bộ việc thu chi của làng xã. Nhiều bản hương ước không kê khai đầy đủ số tiền thu chi hay quy định phải lập sổ sách như thế nào. Nhiều khoản chi chưa được kê khai minh bạch như tiền chi cho các buổi tế tự, đa phần các bản hương ước chỉ ghi mua lễ vật gì mà không ước lượng số tiền để mua lễ vật đó là bao nhiêu. Mặc dù rất nỗ lực trong việc chi phối đời sống kinh tế của làng xã nhưng chính quyền thuộc địa cũng chưa xóa bỏ được hoàn toàn truyền thống tự quản của làng xã Việt Nam cổ truyền.

Nhìn chung, phần lớn dung lượng của các văn bản hương ước cải lương huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tập trung vào kê khai các khoản tiền thu và các khoản tiền chi. Về phần quản lí các khoản thu – chi đó, các quy định trong hương ước ghi khá đơn giản chủ yếu chỉ yêu cầu kê khai một cách minh bạch và hương hội, lí trưởng, thủ quỹ phải bồi thường nếu không hoàn thành trách nhiệm của mình. Đa số các làng đều tuân thủ các quy định về quản lí tài chính do chính quyền thực dân ban hành. Thủ quỹ có nghĩa vụ bảo đảm quỹ làng không bị rơi vào tình trạng cạn kiệt; trong trường hợp công quỹ không còn tiền, Chánh hương hội không được phép thực hiện bất kỳ khoản chi nào. Bên cạnh đó, thiên tai, dịch bệnh, đòi hỏi công quỹ làng xã luôn được duy trì ở mức độ nhất định để chi cho những việc bất thường. Vì vậy, các khoản thu luôn được kê khai khá nhiều nhưng các khoản chi lại nhỏ giọt. Các khoản chi chủ yếu cho việc tế lễ, tu sửa lại các công trình công cộng, vệ sinh, y tế, trả lương cho các chức dịch và cho các hương chức. Mặc dù hương ước cải lương quy định rõ ràng về các khoản thu, chi, trách nhiệm của các chức dịch trong việc quản lí tài chính nhưng chưa phản ánh trọn vẹn tình hình thực tiễn tài chính của từng làng xã. Đây là hạn chế của hương ước khi nghiên cứu về chế độ tài chính của làng xã. Vì hương ước cải lương là một văn bản quy phạm cho biết các khoản thu, khoản chi, biện pháp quản lí thu – chi chứ không phải sổ sách ghi chép chi tiết về tài chính của làng xã.

Qua việc tiếp cận một số nguồn tài liệu nghiên cứu về hương ước cải lương một số tỉnh như Bắc Ninh, Thái Bình, Hà Đông, có thể thấy rằng, việc thu chi tài chính ở các làng xã huyện Cẩm Khê (tỉnh Phú Thọ) có những điểm giống với các làng xã ở đồng bằng Bắc Bộ: Thứ nhất, lập sổ thu, chi, hoạt động thu, chi, chức trách, quyền hạn của các hương chức phụ trách thu chi phải theo quy định và chịu sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền thực dân Pháp, như trường hợp tỉnh Bắc Ninh (Nguyễn, D & Nguyễn, T, 2015, tr.63) hoặc Thái Nguyên (Đỗ & Phạm, 2018, tr.59), nhưng vẫn có tính tự trị nhất định; thứ hai, các khoản thu, chi về cơ bản giống nhau, bao gồm các loại thuế và các khoản khác (cheo, khao vọng), được chia ra thành thu, chi thường và thu, chi bất thường như trường hợp Bắc Ninh (Nguyễn, D & Nguyễn, T, 2015, tr.63); thứ ba, việc bắt người dân phải đóng góp các khoản thuế, phí cho làng, bên cạnh các loại thuế phải nộp cho chính quyền thực dân Pháp, chắc chắn là một trong những gánh nặng chi phí đối với người dân huyện Cẩm Khê nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung, nhất là nông dân nghèo. Điểm khác biệt ở đây là ở mức thu, chi liên quan tới các khoản như tiền cheo, khao vọng, tiền thưởng, vì thông thường các khoản này không có sự can thiệp của chính quyền thực dân, mà theo hương tục, điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi làng xã thuộc các tỉnh khác nhau, thậm chí trong các làng xã cùng một huyện, như trường hợp huyện Cẩm Khê.

Ghi chú về tác giả: *Phan Minh Anh là nghiên cứu sinh K44 tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.*

Tuyên bố về xung đột lợi ích: *Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn, D. B., & Nguyễn, T. H. (2015). Sổ chi thu của làng xã Bắc Ninh (1921 - 1945) qua hương ước cải lương. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, 6, 61 – 66.

Nguyễn, L. D. (2010). Một vài nét về hương ước cải lương của huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử,* 10, 45-55.

Hương ước làng Vực Câu, tổng Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932*, kí hiệu HU00004651*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Tang Châu, tổng Trương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004669*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Hiền Đa, tổng Trương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00003543*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Tiên Động, tổng Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00003542*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Trung Hà, tổng Trương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004656*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Phú Lạc, tổng Trương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004670*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Thụy Liễu, tổng Vân Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004665*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Tuy Lộc, tổng Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004394*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Bình Phú, tổng Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00002465*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Yên Tập, tổng Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004657*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Sơn Tình, tổng Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004655*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Cát Trù, tổng Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932*, kí hiệu HU00002466*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Khổng Tước, tổng Vân Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004668*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Thổ Khối, tổng Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004395*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Văn Khúc, tổng Điêu Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1942*, kí hiệu HU00004660*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Phượng Vỹ, tổng Vân Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932*, kí hiệu HU00004666*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Ngô Xá, tổng Vân Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004667*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Phương Xá, tổng Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004676*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước làng Tạ Xá, tổng Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004652*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước xã Vân Bán, tổng Vân Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004664*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước xã Sơn Cương, tổng Văn Phú, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004658*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước xã Cấp Dẫn, tổng Vân Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00002467*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước xã Hoàng Lương, tổng Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1923, *kí hiệu HU00004677*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước xã Sai Nga, tổng Văn Phú, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004673*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Hương ước xã Phiên Quân, tổng Trương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, soạn năm 1932, *kí hiệu HU00004671*, lưu tại Thư viện Viện TTKHXH.

Nguyễn, T. H, (2016). *Hương ước cải lương tỉnh Bắc Ninh (1921- 1944)*. [Luận án Tiến sĩ Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội].

Trịnh, T. H, (2021). *Quản lí làng xã ở tỉnh Thái Bình qua hương ước cải lương từ năm 1921 đến năm 1945*. [Luận án tiến sĩ Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội].

Trần, V. M. (1924). *Cải lương thực lục*. Nhà in Kim Đức Giang. Hà Nội.

Đỗ, H. N., & Phạm. Q. T. (2018). Việc thu thuế trong làng xã qua tư liệu hương ước cải lương tỉnh Thái Nguyên, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, 183 (07), 57 - 61.

Nguyễn, V. T., & Lê, V. P. (1927). *Về việc Cải lương hương chính ở Bắc Kỳ*. Nhà in Tonkinoise. Hà Nội.

Hoàng, T. (1992). *Nghị định chỉnh đốn lại Hương hội các xã An Nam ở Bắc Kỳ (Bằng chữ Quốc ngữ)*. Nhà in Kim Đức Giang. Hà Nội.

Viện Sử học (1990). *Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại (tập 1)*. NXB Khoa học – Xã hội. Hà Nội.